

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀ BẮC
TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:
04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2023
(V/v tranh chấp yêu cầu
ly hôn, nuôi con chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HOÀ BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lự.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Trọng Huề
Ông Xa Tiến Đắc.
- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Thanh Tùng
- Đại diện VKSND huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 02 năm 2023, về việc yêu cầu ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 06 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐST- HNGĐ ngày 30/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lường Thị T - sinh năm 1985.
Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Hoà Bình. Có mặt
2. Bị đơn: Anh Lường Văn H - sinh năm 1977.
Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt lần hai, không có lý do.
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng X, Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện P: Ông Nguyễn Đình H - Chức vụ Phó giám đốc làm đại diện theo ủy quyền. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn chị Lường Thị T trình bày: Chị và anh Lường Văn H kết hôn ngày 14/9/2002, trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Hòa Bình và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc

đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn với lý do anh H không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè chơi bời suốt ngày không quan tâm gì đến gia đình bỏ mặc vợ con, vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm lối sống mặc dù chị T đã khuyên giải nhưng anh H không nghe, sau khi chị T sinh con gái thứ hai thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, mặc dù sau đó sinh thêm con trai thứ ba nhưng hôn nhân vẫn không có hạnh phúc dẫn đến tháng 10 năm 2018 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ rồi đến đầu năm 2019 chị đi làm thuê ở Hà Nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể kéo dài nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Lương Văn H

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lương Thị Kim H, sinh ngày 10/02/2003 hiện tại đã trên 18 tuổi và đã kết hôn; hai con chưa thành niên là Lương Thị Thùy L, sinh ngày 26/10/2006; Lương Bảo T, sinh ngày 03/06/2014 đang sống cùng bố là anh Lương Văn H tại Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Hoà Bình. Về nuôi con chung, chị T nhất trí theo nguyện vọng của hai cháu muốn chung sống với bố bởi lẽ do chị đang đi làm thuê ở xa, chưa có điều kiện kinh tế để nuôi con, để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng và học tập của các con. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị toà án giải quyết mà căn cứ vào điều kiện thực tế sẽ chu cấp cho các cháu sau và đề nghị các quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục đối với con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Về khoản nợ Ngân hàng X, Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện P số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*). Khoản nợ này là do anh H vay trong thời gian anh chị ly thân, chị T không biết khoản vay này, do đó anh H vay thì phải có nghĩa vụ trả nợ.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với anh Lương Văn H nhiều lần nhưng anh H không hợp tác và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh H. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các quyết định và thông báo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Lương Thị T đã có đơn đề nghị Tòa án xác minh thu thập chứng cứ; ngày 15/06/2023, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương xác minh thu thập chứng cứ và tiến hành ghi lời khai của anh Lương Văn H tại gia đình ở Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Hoà Bình

Bị đơn anh Lương Văn H trình bày và xác nhận điều kiện hoàn cảnh kết hôn với chị T như chị T tự khai và trình bày ở Tòa án là đúng. Anh cho rằng sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và đã có với nhau được 03 con chung, đến năm 2018 chị T đi làm ăn xa gặp người đàn ông khác rồi không quan tâm gì đến chồng con, vợ chồng sống ly thân nhau gần 05 năm nay anh đã nhiều lần yêu cầu chị T về nhưng chị không về, chị T đề nghị ly hôn là tùy chị T còn anh không đến Tòa án giải quyết.

Về con chung: Anh H xác nhận hai vợ chồng có 03 con chung tên là Lương Thị Kim H; Lương Thị Thùy L; Lương Bảo T. Cháu H đã đủ 18 tuổi và đã có gia đình, còn hai cháu L và cháu T đang ở với anh H, nếu phải ly hôn anh

H đề nghị được nuôi các con và không yêu cầu cấp dưỡng, chị T không có quyền đòi hỏi nuôi con vì chị đã bỏ đi không quan tâm đến chồng con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh H trình bày hiện còn nợ Ngân hàng X, Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện P số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay hộ cận nghèo ngày 05/05/2021. Số tiền vay này anh H cho rằng tiền vay chung của hai vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân do đó chị T phải có trách nhiệm trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện P cùng anh, ngoài ra không có khoản nợ nào khác. Anh H không có yêu cầu phản tố; không đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Ngân hàng X - Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện P) có đơn xét xử vắng mặt, không yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc tiến hành xác minh và tổng đạt các văn bản hợp lệ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và tiếp tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Anh H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị Lương Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với anh Lương Văn H và nhất trí để anh H nuôi các con khi nào chị có điều kiện chị đề nghị cấp dưỡng nuôi con hoặc đề nghị thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật. Không yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung khác.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập họp lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh Lương Văn H là đúng quy định tại Điều 227 BLTTDS 2015.

- Về nội dung: Từ những tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, thấy rằng hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Lương Văn H là tự nguyện; anh chị chung sống với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, sau đó vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay chứng tỏ anh chị không còn tình cảm và làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị T đối với anh Lương Văn H.

Về con chung: căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của các bên đương sự; căn cứ biên bản ghi lời khai của 02 con chung chưa thành niên là cháu Lương Thị Thùy L sinh ngày 26/10/2006 và cháu Lương Bảo T, sinh ngày 03/06/2014 theo nguyện vọng của các cháu đề nghị được sống với bố là anh Lương Văn H ở Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Hoà Bình khi bố mẹ ly hôn do mẹ

thường xuyên không có nhà, không chăm lo cho cuộc sống của các con. Do đó Kiểm sát viên đề nghị HĐXX giao 02 con chung là cháu Lương Thị Thuý L và Lương Bảo T cho anh Lương Văn H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lương Thị T có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục các con mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền trực tiếp thay đổi quyền nuôi con khi có yêu cầu và theo quy định của pháp luật căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ. Các đương sự chưa yêu cầu Toà án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung, do đó không xem xét giải quyết

Về tài sản chung: không đề cập giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Lương Văn H trình bày có một khoản vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) của Ngân hàng X, Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện P thời hạn trả nợ cuối cùng là năm 2026, anh H đề nghị chị T có nghĩa vụ trả nợ chung. Chị T không thừa nhận khoản vay trên, do đó không đồng ý trả nợ, không yêu cầu giải quyết trong vụ án; anh Lương Văn H không có đơn yêu cầu phản tố; Ngân hàng X không có yêu cầu độc lập. Do đó căn cứ Điều 60 Luật HNGĐ 2014 quy định việc giải quyết quyền, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng đối với người thứ ba khi ly hôn, do các đương sự không có yêu cầu giải quyết và các đương sự không cung cấp các tài liệu chứng minh yêu cầu của mình và quyền nghĩa vụ đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau ly hôn, giao dịch dân sự giữa các bên vẫn trong thời hạn quy định do đó đề nghị HĐXX giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS 2015; điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nguyên đơn chị Lương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Về quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Chị Lương Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Lương Văn H; anh H có hộ khẩu thường trú tại Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Hoà Bình. Do đó căn cứ tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hôn nhân và gia đình yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.

Tòa án triệu tập và thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh Lương Văn H vắng mặt tại Tòa án, nên không tiến hành hòa giải được tại

Tòa án. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, anh H xác nhận nguyên nhân và điều kiện hoàn cảnh kết hôn; mâu thuẫn vợ chồng như chị Lương Thị T khai tại Tòa án là đúng. Tòa án đã tiến hành niêm yết các tài liệu, giấy tờ theo quy định của pháp luật tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Anh Lương Văn H không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả của việc không giao nộp chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được quy định tại các Điều 91, 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lương Thị T và anh Lương Văn H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Hòa Bình từ năm 2002, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng; chị T đi làm ăn xa nhà ở Hà Nội, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay đã được gần 05 năm. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh cũng như thông báo hòa giải tại Tòa án nhưng anh H không hợp tác, vắng mặt không lý do thể hiện việc anh Lương Văn H không có thiện chí để hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Lương Thị T.

Qua xác minh mâu thuẫn vợ chồng là có thật điều này được khẳng định qua các biên bản xác minh với chính quyền địa phương; hàng xóm gia đình tại Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Hòa Bình kết quả: Anh Lương Văn H có hộ khẩu thường trú tại Xóm M, xã N, huyện P, tỉnh Hòa Bình, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, mấy năm nay chị T đi làm thuê xa không hay về nhà; anh, chị sống ly thân nhau không quan tâm gì đến nhau cho đến nay.

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án; lời khai của các bên đương sự; phát biểu của Kiểm sát viên; HĐXX nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị T đối với anh Lương Văn H là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 03 con chung: Cháu Lương Thị Kim H, (đã đủ 18 tuổi và đã có gia đình riêng), còn hai cháu Lương Thị Thùy L và Lương Bảo T, hiện nay hai cháu đang chung sống cùng với bố là anh Lương Văn H. Xét thấy, anh Lương Văn H có nhà cửa và cư trú ổn định, còn chị T đi làm thuê ở Hà Nội, nhà cửa và nơi cư trú và không có công việc ổn định, đồng thời nguyện vọng của hai cháu Thùy L và Bảo T là muốn sống với bố sau khi bố mẹ ly hôn để đảm bảo cho việc ăn ở và học tập. Do đó cần bảo vệ quyền lợi ích cho các cháu, cần giao cháu Lương Thị Thùy L và cháu Lương Bảo T cho anh Lương Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ghi nhận việc anh Lương Văn H chưa yêu cầu chị Lương Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về công nợ chung*: Đối với khoản tiền vay như anh Lương Văn H trình bày vợ chồng có vay tiền của Ngân hàng X, Phòng giao dịch Ngân hàng X huyện P theo vốn vay chăn nuôi (Hộ cận nghèo) số tiền 50.000.000 (năm mươi

triệu đồng) tiền gốc và lãi theo hợp đồng vay ngày 05/05/2021; anh H đề nghị chị T phải có nghĩa vụ trả nợ cùng anh. Chị T trình bày không biết khoản vay trên, không đồng ý trả nợ; không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này. Do các đương sự không có lời khai chứng minh cho yêu cầu của mình và không có sự thỏa thuận khác và đối với khoản tiền vay được hộ gia đình vay chưa đến thời hạn cuối cùng phải trả nợ. Bị đơn không có đơn yêu cầu phản tố; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nhận thấy quyền, nghĩa vụ đối với người thứ ba vẫn có hiệu lực sau ly hôn, khoản vay dân sự giữa các bên vẫn trong thời hạn quy định theo hợp đồng. Vì vậy HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này, giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[6] *Về án phí*: Chị Lương Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 BLTTDS.

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân & gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho Chị Lương Thị T được ly hôn với anh Lương Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị Thùy L, sinh ngày 26/10/2006 và Lương Bảo T, sinh ngày 03/06/2014 cho anh Lương Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Lương Thị Thùy L và cháu Lương Bảo T đủ 18 tuổi hoặc khi có quy định khác của pháp luật. Ghi nhận anh Lương Văn H chưa yêu cầu chị Lương Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lương Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở chị Lương Thị T thực hiện quyền này. Khi có thay đổi, chị T, anh H có quyền làm đơn thay đổi quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về công nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.

5. Về án phí: Chị Lương Thị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003758 ngày 15/02/2023 của Chi cục THADS huyện P, tỉnh Hoà Bình. Chị T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có

quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Văn Lự